TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị A, sinh năm 1990; địa chỉ: ki-ốt số 11, số 8 đường L, khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: ki-ốt số 11, số 8 đường L, khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn L có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2011, quyển số 01/2011 ngày 21/11/2011. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Đầu năm 2012 thì chuyển về xã T, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Năm 2014 chuyển đến sinh sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung nên không thể hòa hợp được. Anh L thường xuyên bỏ nhà đi chơi cùng bạn bè, giấu chị việc vay tiền của xã hội đen để ăn chơi, khi họ tìm đến nhà đòi nợ, đe dọa uy hiếp và hành hung, yêu cầu chị trả nợ thay thì chị mới biết. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tiến D sinh ngày 05/6/2016, hiện nay con đang ở với anh chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Văn L:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 28/7/2020 và 04/8/2020; tham gia phiên tòa vào ngày 21/8/2020 và 10/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị An và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh L do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 11/6/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp thông tin như sau:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Trần Văn L, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn L để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/8 và 10/9/2020 nhưng anh L vắng mặt không có lý do; chị Lê Thị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/7/2020. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị A và anh Trần Văn L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2011, quyển số 01/2011 ngày 21/11/2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Trần Văn L đến cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A để Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không có mặt. Chị A từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh L. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị A với anh L đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị A trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung nên không thể hòa hợp được. Anh L thường xuyên bỏ nhà đi chơi cùng bạn bè, thỉnh thoảng mới về nhà anh không phụ giúp chị việc nhà, không quan tâm chăm sóc mẹ con chị và cũng không hỗ trợ chị về kinh tế thậm chí còn giấu chị việc mượn tiền của xã hội đen để ăn chơi, sau đó những người cho anh L vay tiền hành hung, uy hiếp tinh thần bắt chị phải trả nợ thay cho anh L. Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập anh L để hòa giải nhưng anh L bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị A. Bản thân chị A cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Từ những phân tích trên chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tiến D, sinh ngày 05/6/2016, hiện nay con đang ở với anh chị. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Quá trình tố tụng anh L không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng con.

Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ và chị A có công việc và thu nhập ổn định, bản thân anh L thường xuyên bỏ nhà đi chơi không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì vậy, việc giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyên của chị A về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A được ly hôn với anh Trần Văn L (đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2011, quyển số 01/2011 ngày 21/11/2011).

2. Về con chung: Anh Trần Văn L giao con chung tên Trần Tiến D, sinh ngày 05/6/2016 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị A phải tạo điều kiện cho anh L trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040279 ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (3);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Đã ký

Trần Thị Kim Hoa